

---***---

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/8/2020.

“Kiện xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các hội thẩm nhân dân:

Bà **Chu Đức Hoài.**

Bà **Chúc Thị Phương.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đàm Thị Yên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Bà **Ma Thị Thắm**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc *“Kiện xin ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Ma Văn Th**, sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn B, xã Th, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị **Thái Thị Ch**, sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn B, xã Th, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Nguyên quán: Xóm 7, xã Đ, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

(Anh Th và chị Ch đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ma Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thái Thị Ch qua tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Th, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại Thôn B, xã Th, huyện Na Hang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị Ch tự ý

đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Xóm 7, xã Đ, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An sinh sống từ cuối năm 2018 đến nay và vợ chồng anh sống ly thân từ đó. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thái Thị Ch.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Ma Thu T, sinh ngày 07/10/2015. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Thu T và không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 7 năm 2020 chị Thái Thị Ch trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ma Văn Th qua tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Th, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại Thôn B, xã Th, huyện Na Hang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị và anh Th sinh sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Ma Thu T, sinh ngày 07/10/2015 (hiện nay cháu Thảo đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng). Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ch không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trước ngày xét xử anh Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa: Anh Th giữ nguyên quan điểm của mình là yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thái Thị Ch; Về con chung: Hiện nay chị Thái Thị Ch đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Thu T, nay ly hôn anh nhất trí để cháu T cho chị Ch nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ch; Về tài sản và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Thái Thị Ch có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của mình là nhất trí ly hôn với anh Ma Văn Th; Về con chung: Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Thu T và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Th, xử cho anh Th được ly hôn với chị Ch.

- Về con chung: Hiện nay cháu Ma Thu T đang ở với Thái Thị Ch, chị Ch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, anh Ma Văn Th nhất trí để cháu Thảo cho chị Ch nuôi dưỡng, do vậy đề nghị giao cháu T cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ch;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

- Về án phí Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Anh Ma Văn Th đã nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao chứng minh nhân dân.

Tòa án xác minh với Trưởng thôn B, xã Th, huyện Na Hang.

Anh Th và chị Ch đã thống nhất được với nhau về việc ly hôn và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Tài sản và nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngày 25/5/2020 Tòa án huyện Na Hang nhận được đơn khởi kiện của anh Ma Văn Th xin ly hôn với chị Thái Thị Ch có hộ khẩu thường trú tại thôn Bản Bung, xã Th, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Ma Văn Th và chị Thái Thị Ch đều có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Ma Văn Th và chị Thái Thị Ch theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai của anh Ma Văn Th và chị Thái Thị Ch; kết quả xác minh tại UBND xã Th, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang có cơ sở xác định: Anh Ma Văn Th và chị Thái Thị Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 11/6/2015, do vậy hôn nhân của anh Th và chị Ch là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Thời gian đầu Th và chị Ch chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, Chị Ch đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7, xã Đ, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An sinh sống từ đó đến nay, anh Th và chị Ch sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ma Văn Th và chị Thái Thị Ch đã trầm trọng, mâu thuẫn diễn ra trong một thời gian dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51,

56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Ma Văn Th được ly hôn với chị Thái Thị Ch.

[3] *Về con chung*: Tại phiên tòa anh Ma Văn Th và chị Thái Thị Ch đều có đơn xin xử vắng mặt, chị Thái Thị Ch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Thu T và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, anh Th nhất trí để cháu T cho chị Ch nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ch. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Th và chị Ch thống nhất để chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là tự nguyện và hợp lý. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Ma Thu T, sinh ngày 07/10/2015 cho chị Thái Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Ma Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Anh Th xác định không có tài sản chung và nợ chung. Chị Ch không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Ma Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Ma Văn Th. Cho anh Ma Văn Th được ly hôn với chị Thái Thị Ch. Quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị Ch chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho Ma Thu T, sinh ngày 07/10/2015 cho chị Thái Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Ma Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Anh Ma Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền anh Th đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006090 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, anh Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Đức Hoài - Chúc Thị Phương

Lương Thị Huệ

cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí các nội dung trên.

Biên bản kết thúc hội giờ phút cùng ngày, đã thông qua cho các thành phần tham gia, đều nhất trí ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nhâm Hoàng Văn Lang

Phan Anh Thành

